

Số: 256/2019/DXG-PTC
V/v: Lợi nhuận sau thuế kỳ báo cáo thay đổi
hơn 10% so với cùng kỳ năm trước

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Căn cứ Khoản 4, Điều 11 Chương III của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính Quý II/2019 và Quý II/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (mã cổ phiếu: DXG) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II/2019 thay đổi so với số liệu cùng kỳ năm trước như sau:

DVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Quý II/2018	Quý II/2019	Chênh lệch %
1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty (BCTC riêng)	85.803.677.214	288.197.916.895	235,88%
2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (BCTC hợp nhất)	113.647.424.846	249.029.871.454	119,12%

Nguyên nhân:

- + Lợi nhuận sau thuế của Công ty trên BCTC riêng quý II/2019 tăng 202.394.239.681 đồng tương đương tăng 235,88% so với cùng kỳ năm trước.
- + Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên BCTC hợp nhất quý II/2019 tăng 135.382.446.608 đồng tương đương tăng 119,12% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân lợi nhuận tăng chủ yếu từ doanh thu hoạt động tài chính.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, TC.



LƯƠNG TRÍ THÌN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2019



DAT XANH GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 2W, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Lầu 16, Tòa nhà Center Building, Số 1, Đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó chủ tịch
Ông Trần Việt Anh	Thành viên
Ông Lương Trí Thảo	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Đức	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng Ban
Bà Trịnh Thị Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vy Liêm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trí Thìn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Luận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lương Trí Thìn.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đất Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

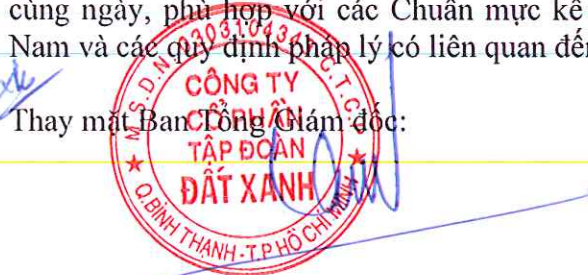
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lương Trí Thìn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2019
TẠI NGÀY 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 31/12/2018
A. Tài sản ngắn hạn	100		13.731.175.643.059	11.815.774.324.512
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	863.101.578.562	1.158.571.308.567
1. Tiền	111		337.253.856.340	412.350.866.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		525.847.722.222	746.220.441.640
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.056.583.003	382.498.994.785
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	330.019.350.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	89.056.583.003	52.479.644.785
III. Các khoản phải thu	130		7.963.964.927.605	5.566.773.833.623
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.357.391.103.446	1.255.542.716.619
2. Trả trước cho người bán	132	7	987.600.779.806	778.666.564.341
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.134.934.820	756.370.320
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.644.352.499.099	3.557.808.940.778
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	10	(26.514.389.566)	(26.000.758.435)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.621.513.747.974	4.605.151.086.817
1. Hàng tồn kho	141		4.621.513.747.974	4.621.285.822.757
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(16.134.735.940)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193.538.805.915	102.779.100.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	83.929.679.442	50.509.017.436
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		109.071.890.657	52.243.223.265
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		35.778.652	26.860.019
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		501.457.164	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****QUÝ II NĂM 2019****TẠI NGÀY 30/06/2019**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 31/12/2018
B. Tài sản dài hạn	200		2.217.386.852.268	1.912.940.416.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		189.200.583.431	145.378.783.345
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	42.866.462
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	189.200.583.431	145.335.916.883
II. Tài sản cố định	220		93.718.122.147	75.783.235.810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	71.427.552.116	53.539.168.844
- Nguyên giá	222		107.143.629.598	82.239.419.005
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.716.077.482)	(28.700.250.161)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	22.290.570.031	22.244.066.966
- Nguyên giá	228		27.552.278.283	26.192.368.283
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.261.708.252)	(3.948.301.317)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	284.422.142.876	47.027.879.233
- Nguyên giá	231		290.037.056.856	49.782.198.221
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.614.913.980)	(2.754.318.988)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		101.984.938.244	199.512.917.437
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	101.984.938.244	199.512.917.437
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.285.299.277.073	1.176.366.004.321
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	1.158.299.277.073	1.100.366.004.321
2. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		127.000.000.000	76.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		262.761.788.497	268.871.595.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	135.601.952.449	136.347.820.285
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32.3	31.403.733.743	30.656.774.141
3. Tài sản dài hạn khác	268	18	1.390.000.000	1.390.000.000
4. Lợi thế thương mại	269	19	94.366.102.305	100.477.001.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.948.562.495.327	13.728.714.740.541

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ II NĂM 2019

TẠI NGÀY 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 31/12/2018
C. Nợ phải trả	300		8.658.521.689.423	7.529.620.654.558
I. Nợ ngắn hạn	310		6.425.037.400.386	5.117.630.826.276
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	456.474.244.707	580.973.842.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	557.278.567.401	1.029.005.405.207
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	318.706.631.255	465.584.800.083
4. Phải trả người lao động	314		104.571.971.729	83.334.564.108
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	427.219.524.450	435.598.701.994
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	25.222.204.380	19.338.862.336
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	3.574.303.018.349	1.989.989.640.969
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	845.215.863.821	471.425.076.235
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		911.553.612	381.395.323
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		115.133.820.682	41.998.537.156
II. Nợ dài hạn	330		2.233.484.289.037	2.411.989.828.282
1. Phải trả dài hạn khác	337		22.141.045.131	8.741.045.131
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	2.200.437.921.270	2.394.395.462.491
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.905.322.636	8.853.320.660

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2019 TẠI NGÀY 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 31/12/2018
D. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		7.290.040.805.904	6.199.094.085.983
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		7.290.040.805.904	6.199.094.085.983
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27.1	3.500.714.120.000	3.500.714.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.500.714.120.000	3.500.714.120.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27.1	10.867.980.806	10.867.980.806
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	27.1	(2.500.560.000)	(2.500.560.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	27.1	58.104.879.339	35.018.748.857
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27.1	1.892.665.258.972	1.455.564.086.735
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.336.278.661.511	277.137.101.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		556.386.597.461	1.178.426.985.263
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.830.189.126.787	1.199.429.709.585
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.948.562.495.327	13.728.714.740.541

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HUỲNH QUANG TUÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ THÙY TRANG

Ngày 20 tháng 07 năm 2019



LƯƠNG TRÍ THÌN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	842.413.139.530	763.777.679.661	2.340.703.509.655	1.947.399.392.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	29	842.413.139.530	763.777.679.661	2.340.703.509.655	1.947.399.392.408
4. Giá vốn hàng bán	11		366.421.739.824	229.900.562.612	1.163.981.331.094	911.233.573.742
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30	475.991.399.706	533.877.117.049	1.176.722.178.561	1.036.165.818.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		227.600.497.306	8.584.853.540	238.731.845.071	173.578.670.228
7. Chi phí tài chính	22		49.545.784.061	38.037.596.080	99.061.036.116	71.494.793.622
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.122.262.685	36.439.678.908	94.391.256.796	68.490.342.359
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	17	24.018.234.752	4.269.039.785	57.933.272.752	(2.697.329.589)
9. Chi phí bán hàng	25	31	109.413.516.882	92.846.561.351	233.734.740.244	179.503.819.512
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	119.452.277.119	81.947.770.609	218.506.694.160	150.348.873.701
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		449.198.553.702	333.899.082.334	922.084.825.864	805.699.672.470
12. Thu nhập khác	31		8.885.480.280	6.112.430.417	56.253.705.440	9.205.454.405
13. Chi phí khác	32		2.547.509.650	18.745.052	7.197.462.753	1.813.961.815
14. Lợi nhuận khác	40		6.337.970.630	6.093.685.365	49.056.242.687	7.391.492.590
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		455.536.524.332	339.992.767.699	971.141.068.551	813.091.165.060
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	91.298.846.866	96.713.500.364	182.479.887.766	161.972.804.628
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(5.989.470.585)	(7.828.357.806)	(746.959.602)	854.423.224
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		370.227.148.051	251.107.625.141	789.408.140.387	650.263.937.208
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		249.029.871.454	113.647.424.846	556.386.597.461	432.152.536.831
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		121.197.276.597	137.460.200.295	233.021.542.926	218.111.400.377
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		712	332	1.590	1.262
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		699	332	1.587	1.262

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HUỲNH QUANG TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ THÙY TRANG



LƯƠNG TRI THÌN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
QUÝ II NĂM 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		971.141.068.551	813.091.165.060
2. Điều chỉnh các khoản			22.053.547.876	(80.234.623.103)
Khấu hao TSCĐ	02	13, 14, 15, 19	17.342.312.367	11.596.828.402
Các khoản dự phòng	03		(13.038.944.544)	7.711.941.117
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(76.726.051.790)	(170.846.803.163)
Chi phí lãi vay	06	30	94.476.231.843	71.303.410.541
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		993.194.616.427	732.856.541.957
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.477.888.228.490)	(1.902.834.645.989)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		47.390.329.614	(841.230.767.045)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.053.466.839.808	1.454.964.081.482
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(32.674.794.170)	(31.161.523.467)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		330.019.350.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(148.412.717.072)	(140.547.335.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22	(282.783.138.807)	(216.465.698.658)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.058.467.389)	(51.805.654.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(564.746.210.079)	(996.225.001.620)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(169.093.365.035)	(50.895.670.842)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		102.365.000	933.141.282
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.576.938.218)	(25.950.735.700)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(378.564.500)	10.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.000.000.000)	(301.880.089.849)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	225.012.362.757
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.751.195.071	21.538.979.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(238.195.307.682)	(121.142.012.851)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP) QUÝ II NĂM 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		638.032.140.000	227.861.500.000
Tiền thu từ đi vay	33	26	1.134.490.981.544	759.571.553.036
Tiền trả nợ gốc vay	34	26	(953.705.236.146)	(593.309.836.880)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(311.346.097.642)	(242.185.145.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		507.471.787.756	151.938.070.581
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(295.469.730.005)	(965.428.943.890)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.158.571.308.567	1.687.437.308.464
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	863.101.578.562	722.008.364.574

Ngày 20 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
KÊ TOÁN TRƯỞNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HUỖNH QUANG TUẤN
TRẦN THỊ THÙY TRANG
LƯƠNG TRÍ THÌN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

Tập đoàn có trụ sở chính đăng ký tại số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là: 3.980 (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.287).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 36 công ty con sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
1. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Thuận Hùng (“Hà Thuận Hùng”)	Xây dựng	Đang hoạt động	99,91
2. Công ty Cổ phần In Nông Nghiệp (“In Nông Nghiệp”)	In ấn và kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,99
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (“DXS”)	Xây dựng	Đang hoạt động	99,99
4. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuân Định (“Xuân Định”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	99,99
5. Công ty Cổ phần Vicco Sài Gòn (“Vicco Sài Gòn”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	99,99
6. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc (“Đất Xanh Miền Bắc”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
7. Công ty Cổ phần Đất Xanh Miền Trung (“Đất Xanh Miền Trung”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	55,00
8. Công ty Cổ phần Xây dựng FBV (“Xây dựng FBV”)	Xây dựng	Đang hoạt động	51,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

9. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam (“Đất Xanh Miền Nam”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
10. Công ty Cổ phần Đất Xanh Đông Nam Bộ (“Đất Xanh Đông Nam Bộ”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
11. Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn Riverside	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	75,00
12. Công ty Cổ Phần Dầu Khí Thăng Long	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	99,90
13. Công ty TNHH MTV Đất Xanh Hội An	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Đang hoạt động	100,00
14. Công ty Cổ Phần Sài Gòn Riverview	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	99,99
15. Công ty Cổ phần Địa Ốc Viethomes (“Viethomes”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
16. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa Ốc Vinahomes (“Vinahomes”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
17. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đất Viễn Đông (“Vidoland”)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	99,99
18. Công ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh Nam Trung Bộ	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
19. Công ty Cổ Phần Đất Xanh Đà Nẵng	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
20. Công ty Cổ Phần Đất Xanh Bắc Miền Trung	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
21. Công ty Cổ Phần Đất Xanh Nghệ An	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
22. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Xây Dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
23. Công ty Cổ Phần Đất Xanh Nam Miền Trung	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
24. Công ty TNHH MTV Smart City	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	100,00
25. Công ty Cổ Phần Đất Xanh Long An	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
26. Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Đất Xanh	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

27. Công ty CP Dịch Vụ và Địa Ốc Đất Xanh Duyên Hải	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00
28. Công ty CP Đầu Tư Kinh Doanh BĐS Hà An	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99.99
29. Công ty CP Công Nghệ BĐS Việt Nam	Cổng thông tin	Đang hoạt động	51,00
30. Công ty CP Đất Xanh Sài Gòn	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%
31. Công ty CP Đất Xanh Thành Phố	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%
32. Công ty CP Đất Xanh Miền Trung Emerald	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%
33. Công ty TNHH MTV Đất Xanh Quảng Ngãi	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	100%
34. Công ty CP Dịch Vụ Đất Xanh Cần Thơ	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%
35. Công ty CP BĐS Đất Xanh An Giang	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%
36. Công ty CP Đầu Tư Và BĐS Đất Xanh Central	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, công cụ dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh
Bất động sản dở dang	- chi phí xây dựng theo phương pháp thực tế đích danh
Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính, trang web	3 – 6 năm

Tập đoàn không khấu hao quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 30 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán khi đã được bán hoặc khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm tài sản không còn được sử dụng hay thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;

Nhà mẫu; và

Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá mua và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán biệt thự, nhà phố và căn hộ

Đối với các biệt thự, nhà phố và căn hộ mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến biệt thự, nhà phố và căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận theo hợp đồng khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản và dịch vụ khác

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm dịch vụ môi giới bất động sản, đầu tư và phát triển dự án bất động sản và dịch vụ xây dựng.

3.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính/vốn hoá theo phương pháp đường thẳng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	9.879.992.503	10.786.056.182
Tiền gửi ngân hàng	327.373.863.837	401.564.810.745
Các khoản tương đương tiền (*)	525.847.722.222	746.220.441.640
TỔNG CỘNG	863.101.578.562	1.158.571.308.567

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất từ 4-5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền gửi có kỳ hạn	89.056.583.003	52.479.644.785
TỔNG CỘNG	89.056.583.003	52.479.644.785

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty TNHH Bến Du Thuyền Đà Nẵng	3.197.325.391	23.264.007.712
Công ty CP Tập Đoàn ĐT Và TMại Thăng Long	536.425.663	9.211.492.960
Công ty IDE Việt Nam	1.617.911.305	71.886.015.215
Công ty CP Bất Động Sản Hiệp Phú Land	181.440.690.060	462.969.979.465
Công ty CP Tập Đoàn Hateco	3.735.459.107	7.063.187.963
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sài Gòn Đà Nẵng	-	35.931.344.930
Công ty TNHH DV ĐT Và KD Địa Ốc Minh Bình	1.667.945.682	179.402.487.531
Công Ty CP Bắc Phước Kiến	20.968.024.686	29.905.949.680
Công ty TNHH Phú Điền	3.061.727.573	20.268.180.922
Các khách hàng khác	1.141.165.593.979	415.640.070.241
TỔNG CỘNG	1.357.391.103.446	1.255.542.716.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
 Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ Phần C.T - Phương Nam	8.714.962.753	8.300.598.355
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Sài Gòn	435.562.260.000	435.562.260.000
Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4	90.589.578.444	89.675.944.433
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Nhà Tân	51.094.321.928	31.094.321.928
Công ty Cổ Phần ĐĐT Và TM Thăng Long	226.003.741.549	18.936.753.516
Các khách hàng khác	175.635.915.132	195.096.686.109
TỔNG CỘNG	987.600.779.806	778.666.564.341

8. PHẢI THU VÈ CHO VAY

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cho vay bên liên quan	-	-
Cho vay bên khác	1.134.934.820	756.370.320
TỔNG CỘNG	1.134.934.820	756.370.320

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Hình thức đảm bảo
Công ty CP Đầu Tư Dầu Khí Nha Trang	1.134.934.820	Tín chấp
Cộng	1.134.934.820	

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ký quỹ, ký cược cho các hợp đồng tiếp thị và phân phối dự án bất động sản	3.580.555.170.067	3.050.215.726.566
- Dự án chung cư Imperial Plaza	49.753.980.592	285.818.246.491
- Dự án khu đô thị Đất Quảng Riverside	677.000.000.000	602.000.000.000
- Dự án Khu nhà ở Hateco 6	40.633.456.175	166.333.537.615
- Dự án Tổ hợp khu căn hộ Hiệp Phúc	-	127.615.855.500
- Dự án Lakeside Bàu Tràm	254.666.973.192	141.473.700.206
- Dự án Roman Plaza	98.453.848.431	118.528.387.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

- Dự án Khu đô thị Ngọc Dương	128.537.907.500	112.000.000.000
- Dự án Phú Mỹ An	137.295.626.533	78.137.333.683
- Dự án Khu dân cư đô thị Yên Thanh	70.000.000.000	70.000.000.000
- Dự án Sài Gòn Gateway	341.014.300.000	341.014.300.000
- Dự án Khu dân cư Mầu Bạc	65.448.731.113	65.424.710.618
- Dự án kết hợp (Nguyễn Cửu Vân-Phan Huy Ích-Nơ Trang Long)	74.100.000.000	59.100.000.000
- Dự án Trần Thủ Độ	146.680.697.000	57.879.412.500
- Dự án Ven Sông Tắc	187.826.256.000	87.826.256.000
- Dự án KDC Tam Hiệp	60.000.000.000	60.000.000.000
- Dự án Sài Đồng	60.814.665.768	26.000.000.000
- Dự án Lamaison Phú Yên	356.213.516.080	-
- Các dự án khác	832.115.211.683	651.063.986.763
Vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	203.462.156.794	253.622.881.511
- Công ty CP Vina Holding	71.000.000.000	71.000.000.000
- Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	129.302.585.685	129.302.585.685
- Công ty CP Bất Động Sản LinkGroup	-	23.025.188.000
- Khác	3.159.571.109	30.295.107.826
Tạm ứng đầu tư	64.103.576.670	59.635.959.480
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Việt Tín	48.600.000.000	48.600.000.000
- Khác	15.503.576.670	11.035.959.480
Tạm ứng nhân viên	167.216.338.549	118.855.596.011
Phải thu lãi vay	6.266.234.022	5.562.810.804
Khác	1.622.749.022.997	69.915.966.406
	5.644.352.499.099	3.557.808.940.778

Dài hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh	177.470.596.928	141.540.118.870
Ký quỹ, ký cược	2.388.463.000	3.374.570.550
Khác	9.341.523.503	421.227.463
	189.200.583.431	145.335.916.883
TỔNG CỘNG	5.833.553.082.530	3.703.144.857.661



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Dự phòng các khoản phải thu	14.575.620.080	13.554.211.172
Dự phòng các khoản đặt cọc, ký quỹ	8.867.108.546	9.124.886.323
Dự phòng trả trước cho người bán	3.071.660.940	3.321.660.940
TỔNG CỘNG	26.514.389.566	26.000.758.435

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	26.000.758.435	19.412.859.856
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.021.408.908	8.071.541.955
Tăng do mua công ty con	-	1.936.758.065
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(507.777.777)	(174.860.000)
Số cuối kỳ	26.514.389.566	26.292.593.693

11. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bất động sản dở dang (i)	4.068.965.447.899	3.800.536.462.426
Bất động sản thành phẩm	184.057.665.323	634.996.194.531
- Dự án Luxcity	11.977.088.289	33.305.610.202
- Dự án An Viên	4.235.209.583	4.235.209.583
- Phú Mỹ An	-	2.465.035.547
- NGT PDC Ngõ Quyền	11.948.084.902	11.948.084.902
- Dự án Sunview	2.082.648.953	2.916.521.279
- Dự án Luxgarden	31.470.242.803	67.782.980.530
- Dự án Opal Riverside	2.048.441.924	4.096.883.822
- Dự án Opal Garden	-	508.245.868.666
- Dự án Dự dân cư đô thị Yên Thanh	120.295.948.869	-
Bất động sản chờ bán	186.716.903.400	75.653.410.844
Các công trình xây dựng dở dang	169.552.244.521	102.064.640.440
Nguyên vật liệu xây dựng	9.610.152.473	4.616.960.917
Hàng hóa	777.171.972	2.470.075.150
Công cụ, dụng cụ	1.834.162.386	948.078.449
TỔNG CỘNG	4.621.513.747.974	4.621.285.822.757
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(16.134.735.940)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.621.513.747.974	4.605.151.086.817

i) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Dự án Tuyên Sơn	309.292.740.393	308.575.184.627
Dự án Hiệp Bình Phước - Thủ Đức	111.486.780.835	110.955.308.074
Dự án Opal Boulevard	565.913.599.773	369.306.184.101
Dự án Opal Skyview	103.800.020.500	98.363.876.512
Dự án C1	46.863.614.158	45.962.759.558
Dự án Lakeside	70.021.747.534	42.473.019.249
Dự án C2	41.298.087.699	41.101.724.063
Dự án Sunview Sky	183.518.338.952	183.518.338.952
Dự án chung cư Luxstar	118.296.868.164	118.101.677.405
Dự án Opal City	365.637.259.280	347.640.121.189
Dự án Gemriverside	1.502.152.640.407	1.427.246.028.060
Dự án One River - Phú Mỹ An	127.563.647.395	116.952.389.392
Dự án Phố mơ	247.875.205.499	381.007.976.880
Dự án Sunshine Resident	194.891.178.345	194.891.178.345
Dự án khu dân cư Gold Hill	1.474.985.429	1.682.557.035
Khác	78.878.733.536	12.758.138.984
TỔNG CỘNG	4.068.965.447.899	3.800.536.462.426

Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 47.618.254.831 VND (kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2018: 49.949.402.302 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các dự án bất động sản đang triển khai của Tập đoàn.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới	71.468.783.245	36.823.583.566
Công cụ, dụng cụ	3.313.513.452	7.817.443.573
Chi phí thuê văn phòng	1.467.847.618	2.092.773.835
Khác	7.679.535.127	3.775.216.462
	83.929.679.442	50.509.017.436
Dài hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới, nhà mẫu	82.635.509.606	104.536.599.794
Công cụ, dụng cụ	17.736.219.942	25.700.854.427
Chi phí sửa chữa văn phòng	22.460.875.316	3.125.440.472
Khác	12.769.347.585	2.984.925.592
	135.601.952.449	136.347.820.285
TỔNG CỘNG	219.531.631.891	186.856.837.721



CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giải đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	282.279.818	17.610.660.932	54.898.301.451	7.526.524.075	1.921.652.729	82.239.419.005
Mua trong kỳ	1.732.008.500	883.240.003	19.217.794.454	2.836.169.000	337.363.636	25.006.575.593
Tăng do mua lại công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	(102.365.000)	-	(102.365.000)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	2.014.288.318	18.493.900.935	74.116.095.905	10.260.328.075	2.259.016.365	107.143.629.598

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(150.303.439)	(2.858.749.965)	(21.566.770.605)	(3.577.423.206)	(547.002.946)	(28.700.250.161)
Khấu hao trong kỳ	(23.194.320)	(1.106.968.562)	(4.699.914.070)	(990.412.474)	(236.921.862)	(7.057.411.288)
Tăng do mua lại công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm do mua lại công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	41.583.967	-	41.583.967
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	(173.497.759)	(3.965.718.527)	(26.266.684.675)	(4.526.251.713)	(783.924.808)	(35.716.077.482)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	131.976.379	14.751.910.967	33.331.530.846	3.949.100.869	1.374.649.783	53.539.168.844
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	1.840.790.559	14.528.182.408	47.849.411.230	5.734.076.362	1.475.091.557	71.427.552.116



CÔNG TY CỔ TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
Mua trong kỳ
Chuyển sang xây dựng cơ bản
Tăng do mua lại công ty con
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
Khấu hao trong kỳ
Tăng do mua lại công ty con
Chuyển sang xây dựng cơ bản
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Trang web	Khác	Tổng cộng
	13.604.427.761	11.448.040.917	657.166.005	482.733.600	26.192.368.283
	-	1.359.910.000	-	-	1.359.910.000
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	13.604.427.761	12.807.950.917	657.166.005	482.733.600	27.552.278.283
	-	(3.044.796.760)	(580.916.015)	(322.588.542)	(3.948.301.317)
	-	(1.214.018.891)	(35.833.335)	(63.554.709)	(1.313.406.935)
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	-	(4.258.815.651)	(616.749.350)	(386.143.251)	(5.261.708.252)
	13.604.427.761	8.403.244.157	76.249.990	160.145.058	22.244.066.966
	13.604.427.761	8.549.135.266	40.416.655	96.590.349	22.290.570.031

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bất động sản đầu tư chờ tăng giá	-	-
Bất động sản đầu tư cho thuê (*)	284.422.142.876	47.027.879.233
TỔNG CỘNG	284.422.142.876	47.027.879.233

(*) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá:

Nhà cửa vật kiến trúc

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	49.782.198.221
Tăng trong kỳ	240.254.858.635
Giảm trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	290.037.056.856

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(2.754.318.988)
Khấu hao trong kỳ	(2.860.594.992)
Giảm trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	(5.614.913.980)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	47.027.879.233
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	284.422.142.876

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Dự án Opal Tower	27.877.311.935	27.683.053.969
Dự án tòa nhà văn phòng Vicco	-	132.939.571.829
Toà nhà văn phòng Võ Văn Kiệt	55.631.851.565	28.336.280.030
Chi phí dự án khác	18.475.774.744	10.554.011.609
TỔNG CỘNG	101.984.938.244	199.512.917.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Lĩnh vực kinh doanh	Vào Ngày 30 tháng 06 năm 2019		Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần đầu tư LDG ("LDG")	Lĩnh vực kinh doanh	42,60	1.158.299.277.073	42,96	1.100.366.004.321
TỔNG CỘNG			1.158.299.277.073		1.100.366.004.321

Chi tiết tăng giảm khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày như sau:

Giá gốc khoản đầu tư:

Số dư đầu kỳ	564.988.410.000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	-
Số dư cuối kỳ	564.988.410.000

Phần lợi nhuận lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Số dư đầu kỳ	535.377.594.321
Phần lợi nhuận từ các công ty liên kết trong kỳ	57.933.272.752
Số dư cuối kỳ	593.310.867.073

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	1.100.366.004.321
Số dư cuối kỳ	1.158.299.277.073

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Dự án Bàu Bàng	1.390.000.000	1.390.000.000
TỔNG CỘNG	1.390.000.000	1.390.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Nguyên giá:

Số đầu kỳ	122.217.983.114
Phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	-
Số cuối kỳ	122.217.983.114

Phân bổ lũy kế:

Số đầu kỳ	(21.740.981.657)
Phân bổ trong kỳ	(6.110.899.152)
Số cuối kỳ	(27.851.880.809)

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	100.477.001.457
Số cuối kỳ	94.366.102.305

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
- Công ty TNHH Xây Dựng Bình Định	24.088.977.635	52.257.990.064
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại DV An Thiên Phú	28.944.971.378	37.407.113.956
- Công ty TNHH Xây Dựng Vững Bền	11.242.916.728	11.242.916.728
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Hưng Long Phát	19.528.857.883	36.774.364.298
- Công ty TNHH Xây Dựng Và Xây Lắp Điện Thế Minh	15.916.152.974	25.127.016.790
- Công ty TNHH Xây Dựng An Phong	-	13.048.844.223
- Công ty Cổ Phần Vật Tư Thiết Bị Và Đầu Tư Xây Dựng M.E.I	3.476.212.564	12.346.593.929
- Công ty CP Siêu Thị Vật Liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà	14.375.045.150	31.306.072.348
- Công ty Vinaconex 25	9.841.228.300	27.106.705.859
- Khác	329.059.882.095	334.356.224.670

TỔNG CỘNG

456.474.244.707	580.973.842.865
------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cá nhân mua căn hộ trả tiền trước	177.252.308.624	906.385.679.742
Khách hàng khác trả tiền trước	380.026.258.777	122.619.725.465
TỔNG CỘNG	557.278.567.401	1.029.005.405.207

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2019
Thuế giá trị gia tăng	85.305.345.114	86.305.668.637	119.541.310.833	52.069.702.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.864.312.024	182.479.887.766	282.783.138.807	246.561.060.983
Thuế thu nhập cá nhân	33.398.206.579	54.201.067.711	67.543.622.092	20.055.652.198
Khác	16.936.366	2.587.350.503	2.584.071.712	20.215.157
TỔNG CỘNG	465.584.800.083	325.573.974.616	472.452.143.444	318.706.631.255

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí xây dựng của các dự án	337.731.274.174	340.572.757.459
Chi phí lãi vay	25.993.381.227	32.311.611.625
Phí môi giới	34.137.530.993	35.081.791.153
Khác	29.357.338.056	27.632.541.757
TỔNG CỘNG	427.219.524.450	435.598.701.994

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Doanh thu từ dịch vụ môi giới	21.657.831.819	11.726.656.113
Doanh thu từ phí quản lý	3.564.372.561	7.612.206.223
TỔNG CỘNG	25.222.204.380	19.338.862.336

Trong đó:

<i>Ngắn hạn</i>	25.222.204.380	19.338.862.336
<i>Dài hạn</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Thu hộ tiền cho chủ đầu tư dự án	2.674.576.462.759	1.196.045.090.689
Phải trả các khoản đầu tư	129.726.595.200	52.358.786.778
Thu hộ phí bảo trì các dự án	36.911.832.210	62.298.278.210
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	172.057.331.244	56.727.972.816
Phải trả cổ tức	20.875.356.162	94.486.049.253
Phải trả tiền đặt cọc mua căn hộ	127.132.075.138	86.506.284.108
Nhận vốn góp từ HĐHTKD	325.974.670.040	375.916.635.455
Khác	87.048.695.596	65.650.543.660
TỔNG CỘNG	3.574.303.018.349	1.989.989.640.969

26. VAY

	Ngày 30 tháng 06 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	845.215.863.821	471.425.076.235
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	744.282.213.325	470.721.457.975
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.2)	933.650.496	703.618.260
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	100.000.000.000	
Dài hạn	2.200.437.921.270	2.394.395.462.491
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.4)	170.064.335.069	116.608.697.257
Trái phiếu (Thuyết minh số 26.5)	2.030.373.586.201	2.277.786.765.234
TỔNG CỘNG	3.045.653.785.091	2.865.820.538.726

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018
Số đầu kỳ	2.865.820.538.726	2.529.404.653.968
Vay	1.134.490.981.544	759.571.553.036
Trả nợ gốc vay	(953.705.236.146)	(593.309.836.880)
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.537.303.306)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	4.584.804.273	2.813.068.182
Số cuối kỳ	3.045.653.785.091	2.698.479.438.306

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng được trình bày như sau:

26.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Vào ngày 30.06.2019 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 1	20.000.000.000	Ngày 09 tháng 04 năm 2020	Tài trợ dự án	Thế chấp
Khoản vay 2	30.000.000.000	Ngày 28 Tháng 12 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
Khoản vay 3	145.698.488.283	Ngày 26 tháng 12 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam				
Khoản vay 1	78.339.228.800	Ngày 12 tháng 04 năm 2020	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp
Khoản vay 2	150.000.000.000	Ngày 16 tháng 04 năm 2020	Tài trợ dự án	Thế chấp
Khoản vay 3	5.950.533.100	Ngày 28 tháng 8 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp
Khoản vay 4	39.911.905.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2020	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp
Khoản vay 5	31.674.894.055	Ngày 10 Tháng 12 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
Khoản vay 6	52.904.539.120	Ngày 29 tháng 3 năm 2020	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Tiên Phong				
Khoản vay 1	16.797.000.000	Ngày 14 tháng 9 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp
Khoản vay 2	50.459.016	Ngày 04 tháng 05 năm 2019	Mua tài sản	Thế chấp
Khoản vay 3	583.583.329	Ngày 31 Tháng 12 năm 2019	Mua tài sản	Thế chấp
Khoản vay 4	881.500.000	Ngày 26 tháng 4 năm 2020	Mua tài sản	Thế chấp
Khoản vay 5	1.194.750.000	Ngày 24 Tháng	Mua tài sản	Thế chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DÁT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

 Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

05 năm 2020

Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam

Khoản vay 1	53.809.822.647	Ngày 30 tháng 12 năm 2019	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Thế chấp
-------------	----------------	------------------------------	--	----------

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Khoản vay 1	25.381.217.620	Ngày 29 tháng 3 năm 2020	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
-------------	----------------	-----------------------------	--	----------

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn

Khoản vay 1	91.104.292.355	Ngày 10 tháng 5 năm 2020	Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	Tín chấp
-------------	----------------	-----------------------------	--	----------

Tổng cộng 744.282.213.325
26.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả

<i>Ngân hàng</i>	<i>Vào ngày 30.06.2019</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong				
Khoản vay 1	472.970.496	Ngày 21 tháng 02 năm 2022	Mua tài sản	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam				
Khoản vay 1	460.680.000	Ngày 11 tháng 01 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp
TỔNG CỘNG	<u><u>933.650.496</u></u>			

26.3 Trái phiếu đến hạn trả

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Ngày đáo hạn	Mục đích
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 24 tháng 04 năm 2017	100.000.000.000	Ngày 24 tháng 04 năm 2020	Đầu tư dự án và bổ sung vốn lưu động

26.4 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

<i>Ngân hàng</i>	<i>Vào ngày 30.06.2019</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>
------------------	----------------------------	-----------------------	---------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Khoản vay 1	70.660.073.060	Ngày 25 tháng 03 năm 2021	Mua tài sản
Khoản vay 2	385.818.565	Ngày 21 tháng 02 năm 2022	

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Khoản vay 1	3.032.050.000	Ngày 11 tháng 01 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động
-------------	---------------	---------------------------	----------------------

Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Khoản vay 1	95.650.000.000	Ngày 09 tháng 07 năm 2021	Tài trợ dự án
-------------	----------------	---------------------------	---------------

Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

Khoản vay 1	336.393.444	Ngày 04 tháng 05 năm 2023	Mua tài sản
-------------	-------------	---------------------------	-------------

TỔNG CỘNG	170.064.335.069
------------------	------------------------

26.5 Trái phiếu phát hành

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam			
<i>Trái phiếu 1</i>	Ngày 24 tháng 10 năm 2018	470.000.000.000	4 năm
<i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>		(9.310.000.000)	
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</i>		2.256.969.696	
		462.946.969.696	
<i>Trái phiếu 2</i>	Ngày 28 tháng 07 năm 2018	680.000.000.000	4 năm
<i>Trái phiếu 3</i>	Ngày 23 tháng 08 năm 2018	250.000.000.000	2 năm
<i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>		(4.996.881.720)	
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</i>		2.082.034.050	
<i>Tổng cộng</i>		247.085.152.330	
Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Kỳ hạn
<i>Trái phiếu 4</i>			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngày 22 tháng 12 năm 2017	500.000.000.000	4 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

<i>Nợ gốc đã trả</i>				(80.460.680.000)
<i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>				(12.404.545.454)
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</i>				4.651.704.547
				411.786.479.093
<i>Trái phiếu 5 (*)</i>				
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	Ngày 22 tháng 12 năm 2017			234.000.000.000
				5 năm
<i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>				(5.537.303.306)
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</i>				92.288.388
<i>Tổng cộng</i>				228.554.985.082
TỔNG CỘNG				2.030.373.586.201

(*) Đây là khoản huy động bằng việc phát hành 234 Trái phiếu chuyển đổi vào ngày 28/05/2019 ("ngày phát hành") theo mệnh giá bằng Việt Nam đồng cho nhà đầu tư Công ty TNHH Đầu Tư & Chứng khoán Kis (với tư cách nhà đầu tư đại diện cho Asam Vietnam Mezzamine Bond Balanced Hedge Fund 1). Gói Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 28/05/2024 ("Ngày đáo hạn") chịu lãi Trái phiếu là 7%/năm và được trả sáu (6) tháng/lần.

Trái phiếu không có tài sản đảm bảo và có thể được chuyển đổi thành cổ phần công ty sau một (1) năm kể từ ngày phát hành. Giá chuyển đổi ban đầu được xác định bằng 29.228 đồng/cổ phần và có thể được điều chỉnh.

Do số lượng cổ phần có thể được chuyển đổi tại ngày đáo hạn trái phiếu chưa được xác định cụ thể tại ngày phát hành. Vì vậy, Công ty thực hiện việc ghi nhận kế toán trái phiếu chuyển đổi như trái phiếu thường.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bảng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30.06.2018</i>						
Đầu kỳ	3.031.926.860.000	10.867.980.806	(2.500.560.000)	27.527.428.669	745.716.430.895	3.813.538.140.370
Cổ phiếu bằng cổ tức	393.787.260.000	-	-	-	(393.787.260.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.496.904.740	(7.496.904.740)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	432.152.536.831	432.152.536.831
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(54.891.825.556)	(54.891.825.556)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(5.584.552)	(230.195.685)	(235.780.237)
Cuối kỳ	3.425.714.120.000	10.867.980.806	(2.500.560.000)	35.018.748.857	721.462.781.745	4.190.563.071.408
<i>Cho kỳ kế toán kết thúc 30.06.2019</i>						
Đầu kỳ	3.500.714.120.000	10.867.980.806	(2.500.560.000)	35.018.748.857	1.455.564.086.735	4.999.664.376.398
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	556.386.597.461	556.386.597.461
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	23.568.539.705	(23.568.539.705)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(77.828.003.331)	(77.828.003.331)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(482.409.223)	(17.888.882.188)	(18.371.291.411)
Cuối kỳ	3.500.714.120.000	10.867.980.806	(2.500.560.000)	58.104.879.339	1.892.665.258.972	5.459.851.679.117

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
<i>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</i>		
Số dư đầu kỳ	3.500.714.120.000	3.031.926.860.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
Số dư cuối kỳ	3.500.714.120.000	3.031.926.860.000

27.3 Cổ phiếu phổ thông

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	350.071.412	350.071.412
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>350.071.412</i>	<i>350.071.412</i>
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(250.056)</i>	<i>(250.056)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>349.821.356</i>	<i>349.821.356</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

27.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm điều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	249.029.871.454	113.647.424.846	556.386.597.461	432.152.536.831
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi :	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	249.029.871.454	113.647.424.846	556.386.597.461	432.152.536.831
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	1.220.646.575	-	1.220.646.575	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	250.250.518.029	113.647.424.846	557.607.244.036	432.152.536.831
	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	349.821.356	342.321.356	349.821.356	342.321.356
Ảnh hưởng suy giảm do: Trái phiếu có thể chuyển đổi	8.006.022	-	8.006.022	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	357.827.378	342.321.356	351.325.250	342.321.356
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	712	332	1.590	1.262
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	699	332	1.587	1.262

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Tổng doanh thu	842.413.139.530	763.777.679.661	2.340.703.509.655	1.947.399.392.408
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu từ bán căn hộ và đất nền	42.561.098.482	143.744.144.490	859.691.456.561	806.133.231.261
Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản	691.322.536.817	506.738.849.366	1.188.814.593.580	931.828.597.580
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	92.642.535.785	106.882.403.889	269.520.096.588	199.866.886.084
Doanh thu dịch vụ quản lý, cho thuê và bất động sản đầu tư	15.886.968.446	6.412.281.916	22.677.362.926	9.570.677.483
	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Hàng bán trả lại	-	-	-	-

DOANH THU THUẦN	842.413.139.530	763.777.679.661	2.340.703.509.655,0	1.947.399.392.408
------------------------	------------------------	------------------------	----------------------------	--------------------------

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Thu nhập từ lãi vay, tiền gửi	7.619.847.306	8.576.184.336	18.751.195.071	22.881.765.311
Lãi từ thanh lý đầu tư	219.980.650.000	8.669.204	219.980.650.000	150.696.904.917
TỔNG CỘNG	227.600.497.306	8.584.853.540	238.731.845.071	173.578.670.228

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Giá vốn bán căn hộ và đất nền	25.456.311.691	87.079.828.238	566.915.737.121	516.836.279.027
Giá vốn dịch vụ môi giới bất động sản	249.057.918.792	39.579.231.465	333.604.565.535	202.860.414.992
Giá vốn hợp đồng xây dựng	82.298.305.122	97.663.381.763	250.809.414.628	183.671.863.323
Giá vốn dịch vụ quản lý, cho thuê và bất động sản đầu tư	9.609.204.219	5.578.121.146	12.651.613.810	7.865.016.400
TỔNG CỘNG	366.421.739.824	229.900.562.612	1.163.981.331.094	911.233.573.742

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
Chi phí lãi vay	47.207.237.732	36.439.678.908	94.476.231.843	68.490.342.359
Lỗ thanh lý đầu tư	-	-	-	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.338.546.329	1.597.917.172	4.584.804.273	3.004.451.263
TỔNG CỘNG	49.545.784.061	38.037.596.080	99.061.036.116	71.494.793.622

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
Chi phí bán hàng	109.413.516.882	92.846.561.351	233.734.740.244	179.503.819.512
- Chi phí lương	55.426.686.411	48.027.541.700	111.465.025.311	88.469.004.756
- Chi phí môi giới và quảng cáo	37.062.099.008	48.236.084.148	83.252.824.347	67.703.136.844
- Chi phí khấu hao và hao mòn	274.699.492	182.168.646	1.213.919.837	512.053.070
- Chi phí khác	16.650.031.971	(3.599.233.143)	37.802.970.749	22.819.624.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	119.452.277.119	81.947.770.609	218.506.694.160	150.348.873.701
- Chi phí lương	68.903.182.168	43.738.607.648	124.115.826.104	82.529.152.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.819.221.762	16.139.694.842	44.727.807.813	28.047.786.152
- Chi phí khấu hao và hao mòn	4.743.868.431	1.297.523.167	9.249.138.843	3.421.132.550
- Chi phí lợi thế thương mại	3.055.449.576	2.847.154.615	6.110.899.152	5.694.309.229
- Chi phí dự phòng	(264.540.529)	4.942.975.775	696.872.811	4.942.975.775
- Chi phí khác	20.195.095.711	12.981.814.562	33.606.149.437	25.713.517.944
TỔNG CỘNG	228.865.794.001	174.794.331.960	452.241.434.404	329.852.693.213

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế.

	<i>Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	91.298.846.866	96.713.500.364	182.479.887.766	161.972.804.628
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(5.989.470.585)	(7.828.357.806)	(746.959.602)	854.423.224
TỔNG CỘNG	85.309.376.281	88.885.142.558	181.732.928.164	162.827.227.852

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
Công ty CP Đầu Tư LDG	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ xây dựng	-	30.654.452.442
		Doanh thu dịch vụ BĐS	11.934.770.235	13.972.872.720
		Lãi từ cho vay	-	1.933.000.001

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>			Tại 30.06.2019	Tại 31.12.2018
Công ty CP Đầu Tư LDG	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ BĐS	10.940.817.461	10.940.817.461
		Doanh thu dịch vụ xây dựng	1.240.097.200	1.240.097.200
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông	Doanh thu bán căn hộ	73.506.490	73.506.490

12.254.421.151 12.254.421.151

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó tổng giám đốc	Ứng tiền thực hiện dự án	30.000.000.000	30.000.000.000
-----------------------	-------------------	--------------------------	----------------	----------------

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty CP Đầu Tư LDG	Công ty liên kết	Vốn góp HĐHTKD	141.540.118.870	141.540.118.870
		Ký quỹ	9.481.796.659	9.481.796.659
		Lãi cho vay	5.550.666.665	5.550.666.665
		Chi hộ	5.096.885.041	5.096.885.041
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông	Tạm ứng	2.316.920.390	2.316.920.390
Ông Trần Công Luận	Phó TGD	Tạm ứng	1.469.000.000	1.469.000.000
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	2.922.600	2.922.600

Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Công ty CP Đầu Tư LDG	Công ty liên kết	Thanh lý tài sản	60.000.000	60.000.000
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Đại Thịnh Phát	Bên liên quan	Tạm ứng hợp đồng xây dựng	82.910.114.233	82.910.114.233
Nam Sài Gòn	Bên liên quan	Tạm ứng hợp đồng xây dựng	8.394.693.050	8.394.693.050
			<u>256.823.117.508</u>	<u>256.823.117.508</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty LDG	Công ty liên kết	Tạm ứng	264.450.000	264.450.000
Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch HĐQT	Khác	42.000.000	42.000.000
Ông Lương Trí Thảo	Thành viên HĐQT	Khác	552.459.000	552.459.000
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông	Cổ tức	41.050.000	41.050.000
			<u>899.959.000</u>	<u>899.959.000</u>
<i>Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban tổng giám đốc:</i>				
			<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>
Lương và thưởng			<u>10.314.834.161</u>	<u>6.894.008.222</u>

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là dịch vụ môi giới bất động sản, đầu tư và phát triển dự án bất động sản và dịch vụ xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Mẫu số B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:	Loại trừ		Tổng cộng
	Dịch vụ môi giới bất động sản	Đầu tư và phát triển dự án bất động sản	Dịch vụ xây dựng và khác
Vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019			
Doanh thu thuần	1.255.669.535.062	1.007.248.935.565	313.053.533.195
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	763.718.369.112	418.237.804.046	59.718.743.745
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận			1.176.722.178.561
Chi phí không phân bổ			452.241.434.404
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			724.480.744.157
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết			57.933.272.752
Doanh thu tài chính			238.731.845.071
Chi phí tài chính			99.061.036.116
Lãi khác			49.056.242.687
Lợi nhuận trước thuế			971.141.068.551
Chi phí thuế TNDN			182.479.887.766
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(746.959.602)
Lợi nhuận sau thuế			789.408.140.387
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			233.021.542.926
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ			556.386.597.461
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	5.062.287.096.331	9.648.513.181.595	414.160.183.689
Tài sản không phân bổ			(1.813.310.561.312)
Tổng tài sản			13.311.649.900.303
Nợ phải trả bộ phận			2.636.912.595.024
Nợ phải trả không phân bổ			15.948.562.495.327
Tổng nợ phải trả	3.536.670.179.039	5.581.453.251.933	8.082.162.015.942
			576.359.673.481
			8.658.521.689.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ môi giới bất động sản	Đầu tư và phát triển dự án bất động sản	Dịch vụ xây dựng và khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.102.498.692.403	820.695.604.769	199.936.762.903	(175.731.667.667)	1.947.399.392.408
Lợi nhuận gộp của bộ phận	752.580.052.245	293.859.034.214	16.264.899.580	(26.538.167.373)	1.036.165.818.666
Chi phí không phân bổ					329.852.693.213
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					706.313.125.453
Phân lợi nhuận trong công ty liên kết					(2.697.329.589)
Doanh thu tài chính					173.578.670.228
Chi phí tài chính					71.494.793.622
Lãi khác					7.391.492.590
Lợi nhuận trước thuế					813.091.165.060
Chi phí thuế TNDN					161.972.804.628
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					854.423.224
Lợi nhuận sau thuế					650.263.937.208
Lợi ích cổ đông không kiểm soát					218.111.400.377
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ					432.152.536.831
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản bộ phận	4.639.316.087.714	9.504.012.104.527	390.715.652.226	(3.665.423.776.106)	10.868.620.068.361
Tài sản không phân bổ					2.860.094.672.180
Tổng tài sản					13.728.714.740.541
Nợ phải trả bộ phận	1.939.870.082.831	5.253.321.250.047	371.701.546.614	(1.975.471.397.187)	5.589.421.482.305
Nợ phải trả không phân bổ					1.940.199.172.253
Tổng nợ phải trả					7.529.620.654.558

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 20 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HUỲNH QUANG TUÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ THÙY TRANG



LUƠNG TRÍ THÌN